

Bản án số: 120/2023/HS-ST
Ngày 26/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Kim Niệm;
Bà Lê Thị Phương Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Nương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 117/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thành N, sinh ngày 01/01/1999 tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 và bà Trần Thị Tuyết N1, sinh năm 1977; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/7/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:**

1. Bà Trần Thị Tuyết N1, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Tổ C, ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Tổ C, ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn T: Bà Trần Thị Tuyết N1, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Tổ C, ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (Theo Giấy uỷ quyền ngày 19 tháng 10 năm 2023 tại UBND xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương; số chứng thực: 208, quyển số 01/2023-SCT/CK,ĐC). Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Số P, P6, VC Park, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Khu phố A, thị trấn P,

huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

2. Bà Dương Thị T1, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Tổ A, khu phố A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thành N ở trọ cùng với gia đình tại tổ C, ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương. Quá trình sinh sống tại nhà trọ, N thấy bà Trần Thị Tuyết N1 (mẹ của N) và ông Nguyễn Văn T cất giữ nhiều loại trang sức bằng vàng trong tủ đựng quần áo bên trong phòng ngủ của Nguyễn Tất P (em trai của nhân). Khoảng tháng 3/2023, do không có tiền tiêu xài nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt số trang sức bằng vàng của bà N1, ông T đem bán lấy tiền tiêu xài. Lợi dụng bà N1, ông T đi làm, không có ai trông coi tài sản, N đã 03 lần lén lút trộm cắp trang sức bằng vàng của bà N1, ông T cụ thể như sau:

Lần thứ 01: Khoảng 07 giờ sáng giữa tháng 3/2023, lợi dụng bà N1, ông T đi làm, P đi học không có ai ở phòng trọ trông coi tài sản. N lén lút đi vào phòng ngủ của P và đi lại vị trí đặt tủ quần áo (tủ sắt), N sử dụng chìa khóa xe mô tô để mở khóa tủ ra (do ổ khóa bị hư nên chìa khóa nào cũng có thể mở được). N thấy bên trong tủ có 01 (một) ngăn kéo và phía trong ngăn kéo có 01 (một) cái áo thun màu trắng, bên trong áo thun có 01 (một) bộ vòng xi men gồm 14 chiếc, loại vàng 18k; 01 (một) chiếc lắc đeo tay, dạng bi tròn và thanh vuông nhỏ đan chéo vào nhau, loại vàng 18k; 01 (một) sợi dây chuyền loại vàng 24k và 01 (một) mặt dây chuyền hình trái tim loại vàng 24k. N lấy trộm 01 (một) bộ vòng xi men gồm 14 chiếc, trọng lượng khoảng 15 chỉ vàng, loại vàng 18k, số trang sức bằng vàng còn lại N để lại bên trong áo thun màu trắng rồi đóng tủ lại. Sau khi lấy được bộ vòng xi men, N một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu xanh (không rõ biển số của N) đi đến tiệm V, địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương bán được số tiền khoảng 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng), số tiền này N đã tiêu xài hết.

Lần thứ 02: Khoảng 04 giờ sáng tháng 3/2023 (cách lần thứ 01 khoảng 07 ngày). N lợi dụng lúc bà N1, ông T đi làm, P ngủ chưa dậy nên N lén lút đi vào phòng ngủ của P và đi lại vị trí đặt tủ đựng quần áo (tủ sắt), N tiếp tục sử dụng chìa khóa xe mô tô mở khóa cửa tủ ra, N kéo ngăn kéo bên trong tủ ra và lấy 01 (một) chiếc lắc đeo tay, hình dạng bi tròn và thanh vuông nhỏ đan chéo vào nhau, loại vàng 18k được để trong một áo thun màu trắng còn số trang sức bằng vàng còn lại N để lại bên trong áo thun màu trắng rồi đóng tủ lại. Sau đó, N điều khiển xe mô tô của N đi đến tiệm V bán được số tiền khoảng 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), số tiền này N đã tiêu xài hết.

Lần thứ 03: Khoảng 04 giờ sáng cuối tháng 3/2023, lợi dụng lúc bà N1, ông T đi làm, P ngủ chưa dậy nên N lén đi vào phòng ngủ của P và đi lại vị trí tủ quần áo (tủ sắt), N tiếp tục sử dụng chìa khóa xe mô tô mở khóa tủ, N mở ngăn kéo trộm cắp 01 (một) sợi dây chuyền, loại vàng 24k và 01 (một) mặt dây chuyền hình trái tim, loại vàng 24k. Sau đó, N một mình điều khiển xe mô tô của N đi đến tiệm V bán được số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), số tiền này N đã tiêu xài hết.

Ngày 01/05/2023, bà N1, ông T vào phòng ngủ của P mở tủ quần áo ra để lấy vàng đi bán lấy tiền chi tiêu sinh hoạt trong gia đình thì phát hiện toàn bộ trang sức vàng nêu trên bị mất nên bà N1, ông T đến Công an xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương

trình báo. Sau khi tiếp nhận tin, Công an xã V mời Nhân làm việc, qua làm việc N khai nhận hành vi phạm tội của mình. Công an xã V chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P không thu giữ đồ vật, tài liệu gì. Đối với số vàng sau khi N trộm cắp, N bán cho tiệm V nhưng không thu hồi được.

Cáo trạng số 120/CT-VKSPG ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo truy tố bị cáo Nguyễn Thành N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Nhân t 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù.

- Về bồi thường thiệt hại: Bị hại bà Trần Thị Tuyết N1 và đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bị hại ông Nguyễn Văn T không yêu cầu bị cáo N bồi thường thiệt hại nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được đồ vật nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

Bị cáo Nguyễn Thành N không có ý kiến tranh luận. Bị cáo đồng ý với vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo về mức hình phạt, tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và biện pháp tư pháp.

Bị hại bà Trần Thị Tuyết N1 và đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bị hại ông Nguyễn Văn T không yêu cầu bị cáo N bồi thường thiệt hại, có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo N, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không tranh luận gì thêm.

Trong đơn xét xử vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng D, bà Dương Thị T1 không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Nguyễn Thành N nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận và ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại, những

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng D, bà Dương Thị T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, ông Nguyễn Hoàng D, bà Dương Thị T1 đã có lời khai, về trách nhiệm dân sự không yêu cầu gì đối với bị cáo. Ngoài ra, không có ý kiến khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành N khai nhận: Khoảng tháng 3/2023, tại phòng trọ số I, nhà T thuộc tổ C, ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Thành N đã 03 lần có hành vi chiếm đoạt các tài sản: 01 (một) bộ vòng xi men gồm 14 chiếc, trọng lượng khoảng 15 chỉ vàng, loại 18k (lần thứ nhất); 01 (một) chiếc lắc đeo tay, hình dạng bi tròn và thanh vuông đan chéo vào nhau, trọng lượng 06 chỉ vàng, loại vàng 18k (lần thứ hai); 01 (một) sợi dây chuyền, trọng lượng 10 chỉ vàng, loại vàng 24k và 01 (một) mặt dây chuyền hình trái tim, trọng lượng 10 chỉ vàng, loại vàng 24k của bà Trần Thị Tuyết N1 và ông Nguyễn Văn T.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của các bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Thành N là người thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại bà Trần Thị Tuyết N1 và ông Nguyễn Văn T vào khoảng tháng 3/2023.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[5] Theo Bản kết luận định giá tài sản số 29 ngày 11/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P các tài sản do bị cáo chiếm đoạt của các bị hại có tổng trị giá là 136.170.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng), cụ thể như sau:

- 01 (một) bộ vòng xi men gồm 14 chiếc, trọng lượng khoảng 15 chỉ vàng, loại 18k (lần thứ nhất) có giá trị 52.950.000 đồng (năm mươi hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

- 01 (một) chiếc lắc đeo tay, hình dạng bi tròn và thanh vuông đan chéo vào nhau, trọng lượng 06 chỉ vàng, loại vàng 18k (lần thứ hai) có giá trị 21.180.000 đồng (hai mươi một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

- 01 (một) sợi dây chuyền, trọng lượng 10 chỉ vàng, loại vàng 24k (lần thứ ba) có giá trị 56.400.000 đồng (năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

- 01 (một) mặt dây chuyền hình trái tim, trọng lượng 01 chỉ vàng, loại vàng 24k (lần thứ ba) có giá trị 5.640.000 đồng (năm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Vì vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Thành N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[6] Do đó, Cáo trạng số 120/CT-VKSPG ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thành N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Tội phạm do bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo, nêu gương và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo như sau:

[7.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo thực hiện nhiều lần hành vi trộm cắp tài sản, mỗi lần bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại bà Trần Thị Tuyết N1 và ông Nguyễn Văn T đều đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên thuộc trường hợp phạm tội 02 (hai) lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại bà N1 và ông T có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các biện pháp tư pháp đối với bị cáo Nguyễn Thành N là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận các bị hại không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thành N bồi thường giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại.

[10] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P không thu giữ được vật chứng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Đối với bà Dương Thị T1 và ông Nguyễn Hoàng D là chủ tiệm V. Khi mua vàng của bị cáo N, bà T1 và ông D không biết số vàng trên do bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P không đề cập xử lý đối với hành vi của bà T1 và ông D là phù hợp quy định của pháp luật.

[12] Đối với xe mô tô không rõ biển số, bị cáo N sử dụng làm phương tiện để đi bán tài sản trộm cắp của các bị hại. Tuy nhiên, do xe mô tô mua lại, chưa làm thủ tục sang tên. Bị cáo N đã cho bạn tên N2 mượn (bạn quen biết ngoài xã hội, không rõ họ tên đầy đủ, năm sinh, địa chỉ) đến nay chưa trả nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P không thu giữ được.

[13] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Điều 135, Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 03 (ba) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để đi chấp hành án.
3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thành N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).
4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Công an huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- UBND xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Ân